

Số: 1268/KH-SLĐTBXH

Đắk Nông, ngày 28 tháng 6 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### **Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức các đơn vị trực thuộc Sở Lao động – TB&XH tỉnh Đắk Nông năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Đề án số 1758/ĐA-LĐTBXH ngày 29/8/2018 của Sở Lao động – TB&XH, về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động – TB&XH;

Căn cứ Công văn số 1551/SNV-CCVC ngày 17/9/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông, về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp như sau:

#### **I. Mục đích, yêu cầu**

##### **1. Mục đích:**

Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của viên chức. Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để viên chức đã được cử đi đào tạo nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt được đảm nhận công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, đảm bảo quyền, lợi ích của viên chức, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong các đơn vị trực thuộc Sở.

##### **2. Yêu cầu:**

Bảo đảm được các yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương quy định tiêu chuẩn, nghiệp vụ các chức danh nghề nghiệp của viên chức.

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở. Viên chức dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ theo quy định.

Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

#### **II. Nội dung**

##### **1. Đối tượng:**

Viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động – TB&XH.

##### **2. Tiêu chuẩn, điều kiện:**



- Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 3 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh cao hơn chức danh hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn và nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành mình đang công tác.

**3. Vị trí việc làm cần xét thăng hạng:**

- Viên chức chuyên viên hạng III: 07 người.

- Viên chức Điều dưỡng hạng III: 03 người.

**4. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:**

- Văn bản đề nghị của đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 3 năm liên tục gần nhất của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét;

- Lệ phí thực hiện theo Thông tư 228/2016/TT-BTC (nếu có).

**5. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: 10 người (có danh sách cụ thể kèm theo).**

**6. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:**

- **Hình thức:** Xét hồ sơ của viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định.

- **Nội dung:** Chấm điểm theo các tiêu chí theo Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Sở Lao động – TB&XH.

- **Thời gian:** Dự kiến đầu tháng 7/2019.

- **Địa điểm:** Tại Sở Lao động – TB&XH tỉnh Đắk Nông.

**7. Xác định người đạt kết quả xét thăng hạng.**

- Đạt số điểm theo quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đúng theo quy định.

**III. Tổ chức thực hiện**

1. Thời gian tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm ngạch hoàn thành trong tháng 7/2019.

2. Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Thông báo công khai những nội dung có liên quan đến xét thăng hạng trên Trang thông tin điện tử của Sở Lao động – TB&XH.

- Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Thông báo công khai những nội dung có liên quan đến xét thăng hạng trên Trang thông tin điện tử của Sở Lao động – TB&XH.

- Tham mưu cho Giám đốc Sở ban hành Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức khi có kết quả xét thăng hạng.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Ban hành quy chế xét thăng hạng theo quy định.

+ Các thành viên của Hội đồng: Căn cứ vào Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

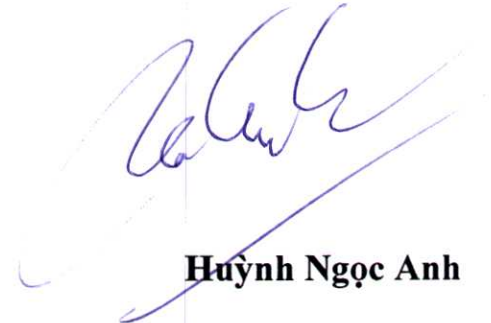
+ Thư ký Hội đồng: Có nhiệm vụ tổng hợp các ý kiến, số điểm của các thành viên Hội đồng chấm cho viên chức đề nghị. Sau đó báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Trên đây là Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh (để biết);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các viên chức đề nghị xét thăng hạng;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Ngọc Anh**



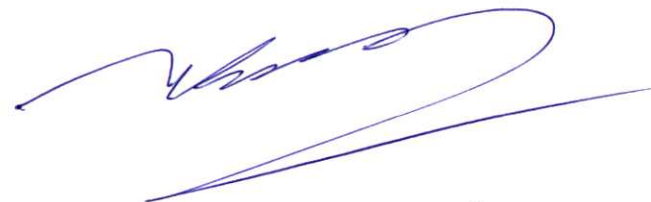
DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Năm công tác	3 năm liên tục hoàn tốt nhiệm vụ	Văn bằng, chứng chỉ				Mức lương hiện hưởng			Mã ngạch, hệ số lương, thời gian nâng lương lần sau, sau khi xét thăng hạng (chuyển ngạch)			Ghi chú
						Trình độ chuyên môn (năm nhận bằng)	QLNN (năm nhận chứng chỉ)	Trình độ Tin học (năm nhận chứng chỉ)	Trình độ Ngoại ngữ (năm nhận chứng chỉ)	Mã ngạch	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Mã ngạch	Hệ số lương	Thời gian nâng lương lần sau	
01	Nguyễn Thị Kim Uyên	26/10/1991	Trường TCN	05 năm	x	CN. Điều dưỡng (2017)		B (2015)	B (2013)	01.004	2,26	01/9/2018	V.08.05.12	2,34	01/9/2018	
02	Nguyễn Thị Hải Ninh	22/11/1985	Trung tâm Dịch vụ việc làm	10 năm	x	CN. Công tác xã hội (01/2018)	x (10/2018)	A (2007)	B (2016)	01.004	2,86	01/8/2017	01.003	3,00	01/8/2017	
03	Huỳnh Thị Thu Trang	26/6/1988		8 năm	x	CN. Kế toán (8/2018)	x (10/2018)	Tin học ứng dụng cơ bản (2017)	B (2017)	01.004	2,46	01/8/2017	01.003	2,67	01/7/2019	
04	Nguyễn Thị Quý	01/4/1985	Trung tâm Bảo trợ Xã hội	10 năm	x	CN. Công tác xã hội (01/2018)	x (10/2018)	B (2017)	B (2010)	01.004	2,66	01/7/2017	01.003	2,67	01/7/2017	
05	Nguyễn Thị Thu	09/6/1987			x	CN. Công tác xã hội (01/2018)	x (6/2018)	Ứng dụng tin học cơ bản (4/208)	B (2017)	01.004	2,66	01/4/2019	01.003	2,67	01/4/2019	
06	Trịnh Thị Trang	25/10/1992		6 năm	x	CN. Công tác xã hội (01/2018)	x (10/2018)	B (2012)	B (2012)	01.004	2,26	01/3/2018	01.003	2,34	01/3/2018	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Năm công tác	3 năm liên tục hoàn tốt nhiệm vụ	Văn bằng, chứng chỉ				Mức lương hiện hưởng			Mã ngạch, hệ số lương, thời gian nâng lương lần sau, sau khi xét thăng hạng (chuyển ngạch)			Ghi chú
						Trình độ chuyên môn (năm nhận bằng)	QLNN (năm nhận chứng chỉ)	Trình độ Tin học (năm nhận chứng chỉ)	Trình độ Ngoại ngữ (năm nhận chứng chỉ)	Mã ngạch	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Mã ngạch	Hệ số lương	Thời gian nâng lương lần sau	
07	Nguyễn Thị Phương	15/12/1987	Trung tâm BTXH	6 năm	x	CN. Điều dưỡng (10/2018)	x (10/2018)	Ứng dụng tin học cơ bản (2017)	B (2017)	01.004	2,26	01/7/2018	V.08.05.12	2,34	01/7/2018	
08	Châu Văn Quyền	05/01/1989		6 năm	x	CN. Điều dưỡng (10/2018)	x (10/2018)	Ứng dụng tin học cơ bản (2017)	B (2014)	01.004	2,26	01/10/2017	V.08.05.12	2,34	01/10/2017	
09	Huỳnh Thị Nam Định	10/3/1981		6 năm 6 tháng	x	CN. Luật (12/2018)	x (10/2018)	A (2007)	B (2017)	01.004	2,86	01/8/2017	01.003	3,00	01/8/2017	
10	Trần Thị Nga	28/6/1987	Quý Bảo trợ trẻ em	6 năm	x	CN. Kế toán (8/2018)	x (10/2018)	A (2011)	B (8/2018)	01.004	2,26	01/6/2018	01.003	2,34	01/6/2018	

Đắk Nông, ngày 28 tháng 6 năm 2019

**CHỦ TỊCH HĐQT XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**



**Y LONG NIÊ**